



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03691**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : LI DUO JING  
**Số lượng/ khối lượng** : 420 hộp/840 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Hóa đơn số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Vận đơn số : CMSGZ25080247  
Ngày sản xuất : 28/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 6831/HQ-GDK-TTKN ngày 29/8/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039206)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI DƯƠNG**  
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN Tân  
Đô, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2554/QĐ-TTKN

Ngày 16 tháng 9 năm 2025



**La Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.03692

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : LI ER DUO  
**Số lượng/ khối lượng** : 700 bao gói/700 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Hóa đơn số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Vận đơn số : CMSGZ25080247  
Ngày sản xuất : 31/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 6831/HQ-GDK-TTKN ngày 29/8/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039206)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI DƯƠNG**  
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN Tân  
Đô, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2554/QĐ-TTKN

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Pha Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03693**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : TAN JUN DUO  
**Số lượng/ khối lượng** : 420 can/840 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Hóa đơn số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Vận đơn số : CMSGZ25080247  
Ngày sản xuất : 18/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 6831/HQ-GDK-TTKN ngày 29/8/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039206)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI  
DƯƠNG**  
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN Tân  
Đô, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2554/QĐ-TTKN

Ngày 16 tháng 9 năm 2025



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03694**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : YONG LE DIAN (Povidone Iodine Solution)  
**Số lượng/ khối lượng** : 375 chai/187,5 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guangzhou Jinshui Animal Health Products Co., Ltd.  
(China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Hóa đơn số : JS250811 ngày 11/8/2025  
Vận đơn số : CMSGZ25080247  
Ngày sản xuất : 02/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 6831/HQ-GDK-TTKN ngày 29/8/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039206)  
**Đơn vị được cấp** : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI  
DƯƠNG  
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN Tân  
Đô, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2554/QĐ-TTKN

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03695**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : BI SHUI AN  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.050 chai/1.050 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Qingyuan Jinfeng Biological Durga Co., Ltd. (China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : JF20250811 ngày 11/8/2025  
Hóa đơn số : JF20250811 ngày 11/8/2025  
Vận đơn số : CMSGZ25080248  
Ngày sản xuất : 28/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 6803/HQ-GDK-TTKN ngày 28/8/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250039205)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI DƯƠNG**  
Địa chỉ: Lô B15, Đường số 3 và Đường số 7, KCN Tân Đô, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 2554 /QĐ-TTKN

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



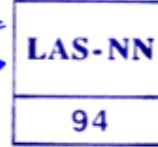
**Hà Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12769/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37052509278  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>              | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result    | Phương pháp thử/<br>Test method               |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------------------------|
| 0925021/hqv2<br>LI ER DUO<br>BNNPTNT292500392<br>06 | Bacillus spp. (*)(**)                  | CFU/g        | 3,1 x 10 <sup>8</sup> | HDS-03 (Ref. TCVN 8736:2011; BS EN15784:2009) |
|                                                     | Escherichia coli                       | CFU/g        | <10                   | TCVN 7924-2:2008                              |
|                                                     | Salmonella spp.                        | /25g         | KPH                   | TCVN 10780-1:2017                             |

Cần Thơ, ngày/date: 12/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

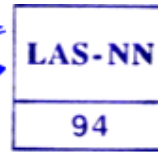
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12770/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37052509279  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result    | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------|
| 0925022/hqv2<br>TAN JUN DUO<br>BNNPTNT292500392<br>06 | <i>Lactobacillus</i> spp.              | CFU/ml       | 4,3 x 10 <sup>6</sup> | HDS-32                          |
|                                                       | <i>Escherichia coli</i>                | CFU/ml       | <1                    | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                       | <i>Salmonella</i> spp.                 | /25ml        | KPH                   | TCVN 10780-1:2017               |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 12/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

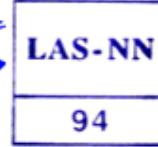
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12906/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37052509276  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>               | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0925019/hqv2<br>BI SHUI AN<br>BNNPTNT292500392<br>05 | Asen (As)                              | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 3,35               | TCVN 8900-9:2012                |
|                                                      | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 8900-7:2012                |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 15/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*  
**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

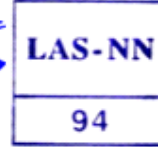
*[Signature]*





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12907/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37052509277  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                           | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0925020/hqv2<br>YONG LE DIAN (Povidone<br>Iodine Solution)<br>BNNPTNT29250039206 | Asen (As)                              | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 8900-9:2012                |
|                                                                                  | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 8900-7:2012                |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 15/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*  
**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

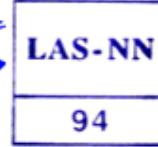
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 12908/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 37052509280  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 09/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 09/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0925023/hqv2<br>LI DUO JING<br>BNNPTNT292500392<br>06 | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                                       | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 1,24               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                       | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                       | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                       | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                       | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 15/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

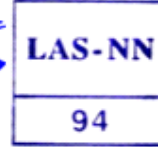
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 13031/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ Thành  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 38192509566  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 13/09/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 13/09/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------------|
| 0925020/hqv2<br>YONG LE DIAN<br>(Povidone Iodine<br>Solution)<br>BNNPTNT292500392<br>06 | Iodine (*)(**)                         | %            | 3,42               | Dược điển Việt Nam 5 tập 1      |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 15/09/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*  
**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số báo cáo: **BNNPTNT29250039205**

1. Cơ sở sản xuất: QINGYUAN JINFENG BIOLOGICAL DURGA CO.,LTD - CHINA
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): Công ty TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI DƯƠNG
3. Sản phẩm thử nghiệm: **xem bảng dưới**
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 02-32-1: 2019/BNNPTNT; QCVN 02-32-2: 2020/BNNPTNT
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

| TT                          | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu |                      |             | Mức yêu cầu | Đánh giá |
|-----------------------------|---------------------|------------------------------|----------------------|-------------|-------------|----------|
|                             |                     | Số                           | Tên phòng thử nghiệm | Kết quả thử |             |          |
| BI SHUI AN ( 0925019 /HQV2) |                     |                              |                      |             |             |          |
| 1                           | As (mg/g);          | 12906/2025<br><br>/TTV1-HQ   | ASTAC                | 3,35        | ≤ 5         | Phù hợp  |
| 2                           | Pb (mg/kg)          |                              |                      | KPH         | ≤ 30        | Phù hợp  |
|                             |                     |                              |                      |             |             |          |

### 6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):

**X** Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.

Chỉ tiêu thử nghiệm ..... không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.

Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn ..... kiến nghị không chứng nhận.

Kiến nghị (Nếu có):.....

Ngày: 16/9 /2025

Chuyên gia đánh giá: **VŨ THÀNH**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Số báo cáo: **BNNPTNT29250039026**

1. Cơ sở sản xuất: GUANGZHOU JINSHUI ANIMAL HEALTH PRODUCTS CO.,LTD - CHINA
2. Tên cơ sở nhập khẩu (nếu có): Công ty TNHH CÔNG NGHỆ THỦY SẢN LỢI DƯƠNG
3. Sản phẩm thử nghiệm: **xem bảng dưới**
4. Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận: QCVN 02-32-1: 2019/BNNPTNT; QCVN 02-31-2: 2019/BNNPTNT; QĐR 04
5. Đánh giá chi tiết chỉ tiêu thử nghiệm:

| TT                                                       | Chỉ tiêu thử nghiệm        | Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu |                      |                       | Mức yêu cầu       | Đánh giá |
|----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------|----------|
|                                                          |                            | Số                           | Tên phòng thử nghiệm | Kết quả thử           |                   |          |
| YONG LE DIAN (Povidone Iodine Solution) ( 0925020 /HQV2) |                            |                              |                      |                       |                   |          |
| 1                                                        | Iodide (%);                | 12907 & 13031                | ASTAC                | 3,42                  | ≥ 1               | Phù hợp  |
| 2                                                        | As (mg/g);                 | /2025                        |                      | KPKPHH                | ≤ 5               | Phù hợp  |
| 3                                                        | Pb (mg/kg)                 | /TTV1-HQ                     |                      |                       | ≤ 30              | Phù hợp  |
| LI ER DUO ( 0925021 /HQV2)                               |                            |                              |                      |                       |                   |          |
| 1                                                        | Bacillus spp (CFU/g);      | 12769/2025                   | ASTAC                | 3,1 x 10 <sup>8</sup> | ≥ 10 <sup>6</sup> | Phù hợp  |
| 2                                                        | E. coli (CFU/g);           |                              |                      | < 1                   | ≤ 1000            | Phù hợp  |
| 3                                                        | Salmonella (CFU/25g)       |                              |                      | kph                   | KPH               | Phù hợp  |
| TAN JUN DUO ( 0925022 /HQV2)                             |                            |                              |                      |                       |                   |          |
| 1                                                        | Lactobacillus spp (CFU/ml) | 12670/2025                   | ASTAC                | 4,3 x 10 <sup>6</sup> | ≥ 10 <sup>6</sup> | Phù hợp  |
| 2                                                        | E. coli (CFU/ml);          | /TTV1-HQ                     |                      | < 1                   | ≤ 1000            | Phù hợp  |
| 3                                                        | Salmonella (CFU/25ml)      |                              |                      | kph                   | KPH               | Phù hợp  |
| LI DUO JING ( 0925023 /HQV2)                             |                            |                              |                      |                       |                   |          |
| 1                                                        | Thủy ngân (Hg) (mg/kg);    | 12908/2025<br><br>/TTV1-HQ   | ASTAC                | KPH                   | ≤ 0,1             | Phù hợp  |
| 2                                                        | Chì (Pb) (mg/kg);          |                              |                      | 1,24                  | ≤ 5               | Phù hợp  |
| 3                                                        | Cd (mg/kg)                 |                              |                      | KPH                   | ≤ 3               | Phù hợp  |
| 4                                                        | E. coli (CFU/g);           |                              |                      | < 10                  | ≤ 10              | Phù hợp  |
| 5                                                        | Salmonella (CFU/25g)       |                              |                      | KPH                   | KPH               | Phù hợp  |
| 6                                                        | Aflatoxin B1 (µg/kg);      |                              |                      | KPH                   | ≤ 10              | Phù hợp  |
|                                                          |                            |                              |                      |                       |                   |          |



**6. KẾT LUẬN/ KIẾN NGHỊ (Nếu có):**

**X** Kết quả thử nghiệm phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn/ quy chuẩn áp dụng.

Chỉ tiêu thử nghiệm ..... không đạt/còn thiếu so với yêu cầu của tiêu chuẩn..... Đề nghị ASTAC thông báo cho khách hàng.

Mẫu thử nghiệm không đạt yêu cầu tiêu chuẩn ..... kiến nghị không chứng nhận.

Kiến nghị (Nếu có): .....

Ngày: 16/9/2025

Chuyên gia đánh giá: **VŨ THÀNH**